

Tiết 1,2

Ngày soạn: 4/09/2026

BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu quá trình thành lập Liên hợp quốc.
- Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
- Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.
- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân.
- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

2. Về năng lực

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất

- Có ý thức trân trọng giá trị của hoà bình, hợp tác, bình đẳng giữa các quốc gia và quyền con người.
- Có thái độ khách quan, trung thực khi khai thác, xử lý tư liệu lịch sử; có trách nhiệm khi chia sẻ thông tin trên internet và mạng xã hội.
- Bồi dưỡng tinh thần nhân ái, đoàn kết quốc tế; tự hào về những đóng góp của Việt Nam đối với hoạt động của Liên hợp quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập và bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm nhóm.
- Bản đồ thế giới; sơ đồ tiến trình hình thành Liên hợp quốc; bảng khái quát mục tiêu, nguyên tắc và vai trò của Liên hợp quốc.
- Các hình ảnh trong SGK: phiên khai mạc Đại hội đồng khoá 77, lễ kí Hiến chương Liên hợp quốc, trụ sở Liên hợp quốc, lực lượng gìn giữ hoà bình, hoạt động cứu trợ và 17 mục tiêu phát triển bền vững.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; đường dẫn tới một số tư liệu chính thống của Liên hợp quốc và Bộ Ngoại giao Việt Nam.

- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search để tìm nguồn chính thống; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập.
- Đọc trước bài 1; quan sát các hình, tư liệu và câu hỏi trong SGK.
- Suy tầm một thông tin ngắn về hoạt động của Liên hợp quốc hoặc một chương trình, quỹ của Liên hợp quốc tại Việt Nam.
- Khi thực hiện nhiệm vụ NLS, HS ưu tiên nguồn chính thống của Liên hợp quốc/Bộ Ngoại giao Việt Nam; với kết quả AI, phải đối chiếu SGK và nguồn chính thống trước khi sử dụng, không nhập dữ liệu cá nhân vào công cụ AI.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

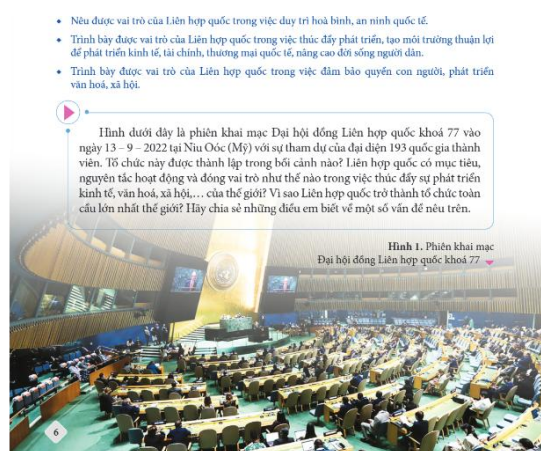
A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, huy động hiểu biết ban đầu của HS về Liên hợp quốc và định hướng nhiệm vụ học tập của bài.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1, trao đổi về quy mô, chức năng và vai trò của Liên hợp quốc.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời ngắn của HS về những điều đã biết và vấn đề muốn tìm hiểu.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 1. Phiên khai mạc Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 77

- GV yêu cầu HS quan sát hình và trả lời: Đây là hoạt động của tổ chức nào? Vì sao có đại diện của nhiều quốc gia? Tổ chức này có vai trò gì đối với thế giới?
- HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi theo cặp; đại diện phát biểu.
- GV nhận xét, dẫn dắt: Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế toàn cầu lớn nhất, ra đời trong bối cảnh đặc biệt của lịch sử thế giới và hoạt động trên nhiều lĩnh vực.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc

a. Mục tiêu: HS nêu được bối cảnh cuối Chiến tranh thế giới thứ hai và trình bày được các mốc chính trong quá trình hình thành Liên hợp quốc.

b. Nội dung: HS khai thác thông tin mục 1a, Hình 2, Hình 3 và lập trục thời gian về quá trình hình thành Liên hợp quốc.

c. Sản phẩm học tập: Bảng/trục thời gian thể hiện đúng các mốc 1942, 1943, 1945 và ngày 24-10-1945.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc SGK, xác định những biến chuyển của tình hình thế giới cuối Chiến tranh thế giới thứ hai và nhu cầu thành lập một tổ chức quốc tế mới. Bước 2: HS khai thác Hình 2 và thông tin SGK, hoàn thành phiếu học tập “Thời gian - sự kiện - ý nghĩa”. Bước 3: Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh ngày 24-10-1945 là ngày Liên hợp quốc chính thức được thành lập với 51 nước thành viên. Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) với sự tham gia của đại diện 50 nước đã soạn Liên hợp quốc.  Hình 2. Lễ kí Hiến chương Liên hợp quốc tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô	- Cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, yêu cầu tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và xây dựng một cơ chế quốc tế hữu hiệu để duy trì hoà bình, an ninh trở nên cấp bách. - Ngày 1-1-1942, đại diện 26 nước kí Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết hợp tác chống phát xít. - Năm 1943, các nước Đồng minh thoả thuận một số vấn đề cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc; Hội nghị Tê-hê-ran khẳng định quyết tâm thành lập tổ chức này. - Tháng 2-1945, Hội nghị I-an-ta quyết định thành lập Liên hợp quốc. - Từ 25-4 đến 26-6-1945, Hội nghị Xan Phran-xi-xcô thông qua Hiến chương Liên hợp quốc. - Ngày 24-10-1945, Hiến chương có hiệu lực; Liên hợp quốc chính thức thành lập.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc

a. Mục tiêu: HS trình bày được bốn mục tiêu và các nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc; giải thích được ý nghĩa của các nguyên tắc đó.

b. Nội dung: HS khai thác Tư liệu 1, Tư liệu 2 trong SGK; thảo luận cặp đôi và hoàn thành bảng hai cột “Mục tiêu - Nguyên tắc”.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp đúng, ngắn gọn; phần giải thích thể hiện được mối quan hệ giữa mục tiêu và nguyên tắc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 1, gạch chân các từ khoá thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc. Bước 2: HS đọc Tư liệu 2, xác định các	- Mục tiêu: duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc; thúc đẩy hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
nguyên tắc hoạt động và nêu ví dụ minh hoạ. Bước 3: HS trình bày, phản biện; GV gọi mở về nguyên tắc bình đẳng chủ quyền, không can thiệp, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình. Bước 4: GV chốt kiến thức và liên hệ việc Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.  Hình 3. Trụ sở Liên hợp quốc tại Niu Ốc	hoá, nhân đạo và bảo đảm quyền con người; là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế. - Nguyên tắc: bình đẳng về chủ quyền quốc gia; tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị; từ bỏ đe dọa hoặc sử dụng vũ lực; không can thiệp công việc nội bộ; tôn trọng nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình. - Các nguyên tắc là cơ sở bảo đảm Liên hợp quốc hoạt động vì lợi ích chung, hạn chế xung đột và thúc đẩy hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia.	

C. LUYỆN TẬP

- Lập bảng tóm tắt bối cảnh, quá trình thành lập, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
- Giải thích vì sao nguyên tắc không sử dụng vũ lực và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình có ý nghĩa đặc biệt trong quan hệ quốc tế hiện nay.

D. VẬN DỤNG

- Suru tầm một tư liệu chính thống về Hiến chương Liên hợp quốc và viết đoạn 5-7 câu giới thiệu giá trị của văn kiện này.

Hoạt động 3. Tìm hiểu vai trò của Liên hợp quốc trong duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

a. Mục tiêu: HS nêu và phân tích được những đóng góp chủ yếu của Liên hợp quốc trong ngăn ngừa chiến tranh, gìn giữ hoà bình, giải trừ quân bị và thúc đẩy phi thực dân hoá.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2a, Hình 5, Hình 6; thảo luận nhóm và xây dựng sơ đồ vai trò.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy/bảng tổng hợp nêu được bốn nội dung chính và dẫn chứng tiêu biểu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: tìm những thông tin làm nổi bật vai trò của Liên hợp quốc trong duy trì hoà bình và an ninh quốc tế. Bước 2: Các nhóm khai thác SGK,	- Góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945. - Triển khai hoạt động gìn	[1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
hình ảnh lực lượng gìn giữ hoà bình và trình bày dẫn chứng. Bước 3: GV tổ chức nhận xét chéo, yêu cầu HS phân biệt hoạt động ngăn ngừa xung đột, gìn giữ hoà bình, giải trừ quân bị và phi thực dân hoá. Bước 4: GV chốt kiến thức, liên hệ đóng góp của sĩ quan, quân nhân Việt Nam tại các phái bộ Liên hợp quốc.  Hình 5. Đoàn sĩ quan Việt Nam tham gia Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc trong lễ xuất quân lên đường làm nhiệm vụ tại Nam Xúc-xăng (2021) <i>Hình 5. Đoàn sĩ quan Việt Nam tham gia Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc</i> - Tích hợp NLS: HS dùng từ khóa phù hợp để tìm 01 dẫn chứng chính thống về hoạt động gìn giữ hòa bình hoặc sự tham gia của Việt Nam; ưu tiên nguồn Liên hợp quốc/Bộ Ngoại giao Việt Nam.	gìn giữ hoà bình tại nhiều khu vực, góp phần chấm dứt xung đột, khôi phục ổn định và tái thiết. - Xây dựng hệ thống công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang và cấm các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt. - Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, góp phần xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và mở rộng số lượng thành viên Liên hợp quốc.	dùng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức của Liên hợp quốc hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Hoạt động 4. Tìm hiểu vai trò trong phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong tạo môi trường hợp tác, hỗ trợ phát triển, xoá đói giảm nghèo, ứng phó các thách thức toàn cầu.
- b. Nội dung:** HS khai thác mục 2b, Tư liệu 3, Hình 7, Hình 8; hoàn thành bảng “Hoạt động - cơ quan/chương trình - ý nghĩa”.
- c. Sản phẩm học tập:** Bảng tổng hợp đúng; HS nêu được ví dụ về Mục tiêu Thiên niên kỉ và Chương trình nghị sự 2030.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV yêu cầu HS tìm các từ khoá về hợp tác kinh tế, thương mại, tài chính và nâng cao đời sống. Bước 2: HS quan sát Hình 7, Hình 8, giải thích ý nghĩa của cứu trợ nhân đạo và 17 mục tiêu phát triển bền vững. Bước 3: Nhóm trình bày; GV đặt câu hỏi mở rộng về vai trò của UNCTAD, UNDP,	- Thúc đẩy hợp tác kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế; tạo môi trường thuận lợi cho các nước phát triển. - Thực hiện nhiều chương trình, dự án hỗ trợ xoá đói giảm nghèo, cải thiện y tế, giáo dục, việc làm và chất lượng cuộc sống. - Hỗ trợ nhân đạo tại các khu vực	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
FAO, UNICEF, WFP. Bước 4: GV chuẩn xác: các hoạt động hướng tới phát triển hài hoà, giảm nghèo, ứng phó biến đổi khí hậu, dịch bệnh và hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương. Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.  Hình 8. 17 mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững <i>Hình 8. 17 mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững</i>	xung đột, thiên tai, dịch bệnh. - Thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững, định hướng hành động toàn cầu đến năm 2030.	

C. LUYỆN TẬP

- Lập sơ đồ tư duy thể hiện vai trò của Liên hợp quốc trong hai lĩnh vực: duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; phát triển kinh tế và nâng cao đời sống người dân.
- Nêu một dẫn chứng chứng minh Liên hợp quốc có vai trò quan trọng đối với một quốc gia hoặc khu vực cụ thể.

D. VẬN DỤNG

- Viết đoạn 8-10 câu nêu cảm nhận của em về hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc và sự tham gia của Việt Nam.

Hoạt động 5. Tìm hiểu vai trò của Liên hợp quốc trong bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội

a. Mục tiêu: HS trình bày được những đóng góp của Liên hợp quốc trong xây dựng chuẩn mực quốc tế về quyền con người và thúc đẩy hợp tác văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2c, Tư liệu 4, Hình 9 và thông tin bổ sung về UNESCO, UNICEF; thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Bản trình bày nêu được vai trò của Tuyên ngôn Nhân quyền, các công ước quốc tế và các tổ chức chuyên môn.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 4, xác định nội dung cốt lõi của Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948. Bước 2: HS quan sát Hình 9, phân tích ý nghĩa của hoạt động bảo đảm quyền được giáo dục cho trẻ em tị nạn.	- Ngay từ khi thành lập, Liên hợp quốc đã thúc đẩy xây dựng, kí kết nhiều văn bản và công ước quốc tế nhằm bảo đảm các quyền cơ bản	[6.3-NC1-a/b] – Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI;

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 3: Các nhóm tìm hiểu vai trò của UNESCO, UNICEF, WHO và trình bày một ví dụ. Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức; nhấn mạnh quyền con người gắn với hoà bình, phát triển và trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Năm 1948, Đại hội đồng quốc tế đã thông qua Tuyên bố về quyền con người, đưa ra 30 quyền cơ bản. Liên hợp quốc đã đảm bảo thực hiện các quyền này trên toàn thế giới. Ngoại giao, Tài liệu về Liên hợp quốc  Hình 9. Một lớp học tạm thời ở Công-gô do Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn tổ chức Hình 9. Một lớp học tạm thời ở Công-gô do Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn tổ chức - Tích hợp NLS: GV trình chiếu một đoạn tóm tắt ngắn do ChatGPT hoặc Gemini tạo về vai trò của UNESCO, UNICEF, WHO. HS đối chiếu từng ý với SGK, Tư liệu 4 và nguồn chính thống; xác định nội dung chính xác, nội dung chưa đủ căn cứ hoặc cần chỉnh sửa trước khi kết luận.	của con người. - Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948 là nền tảng quan trọng cho việc bảo vệ quyền bình đẳng, tự do, giáo dục, tham gia chính quyền và các quyền cơ bản khác. - Các cơ quan và tổ chức chuyên môn thúc đẩy hợp tác quốc tế về văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học; hỗ trợ các nhóm yếu thế, người tị nạn, trẻ em và phụ nữ. - Liên hợp quốc góp phần bảo tồn di sản văn hoá, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ và phát triển xã hội bền vững.	xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng đoạn tóm tắt do AI tạo về UNESCO, UNICEF, WHO bằng SGK và nguồn chính thống; chỉ ra ý đúng, ý chưa đủ căn cứ/cần sửa và nêu căn cứ. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn; HS không bắt buộc có tài khoản AI.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, hệ thống hoá toàn bộ kiến thức của bài học.

b. Nội dung và tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Lập bảng tóm tắt bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
- Câu 2. Lập sơ đồ tư duy thể hiện vai trò của Liên hợp quốc trên ba lĩnh vực: hoà bình - an ninh; kinh tế - phát triển; quyền con người - văn hoá - xã hội.
- Câu 3. Có ý kiến cho rằng: “Vai trò quan trọng nhất của Liên hợp quốc là góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay”. Em có đồng ý không? Vì sao?

Gợi ý đánh giá:

- Nội dung chính xác, có dẫn chứng; trình bày logic, rõ ràng.
- Biết khai thác kênh hình và tư liệu; biết phân biệt sự kiện, nhận xét và đánh giá.
- Có quan điểm cá nhân nhưng phải dựa trên kiến thức lịch sử và lập luận hợp lí.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức bài học để tìm hiểu mối quan hệ giữa Liên hợp quốc và Việt Nam, đồng thời rèn kỹ năng sưu tầm, xử lý thông tin.

b. Nhiệm vụ:

- Tìm thông tin từ sách, báo, internet và chia sẻ với bạn bè về những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam.
- Thiết kế một sản phẩm ngắn (bài viết, infographic hoặc 5-7 trang trình chiếu) giới thiệu một chương trình/quỹ của Liên hợp quốc đang hoạt động tại Việt Nam.
- Nêu ba nguyên tắc cần tuân thủ khi tìm kiếm, kiểm chứng và chia sẻ thông tin lịch sử trên internet.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết, infographic hoặc bài trình chiếu có nguồn trích dẫn rõ ràng, nội dung chính xác, trình bày khoa học.

E. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhắc lại bốn nội dung cốt lõi: quá trình thành lập; mục tiêu; nguyên tắc; vai trò của Liên hợp quốc.
- Hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học.
- Chuẩn bị bài tiếp theo theo yêu cầu của GV.

F. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được quá trình hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn chủ yếu.
- Nêu được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Phân tích được những tác động chủ yếu của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Đọc, nhận diện và khai thác được thông tin quan trọng từ tranh ảnh, tư liệu lịch sử, bảng thống kê và sơ đồ trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác hình ảnh Hội nghị I-an-ta, các tư liệu về quan hệ Xô - Mỹ, Chiến tranh lạnh và sự tan rã của Liên Xô.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua việc xác định quan hệ nhân quả, phân kì quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; phân tích nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ trật tự này.
- Biết lập bảng tóm tắt, sơ đồ tư duy; trình bày, thảo luận, phản biện và hợp tác nhóm khi giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích vì sao Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế và liên hệ với xu thế phát triển của quan hệ quốc tế hiện nay.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Có ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, nhìn nhận khách quan vai trò của các quốc gia và các lực lượng trong quan hệ quốc tế.

- Trân trọng giá trị của hoà bình, hợp tác, bình đẳng giữa các quốc gia; có thái độ phản đối chiến tranh, chạy đua vũ trang và áp đặt cường quyền.
- Có ý thức học tập nghiêm túc, chăm chỉ, chủ động tìm tòi và khai thác tư liệu lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- Bản đồ lịch sử thế giới; bảng tóm tắt quá trình hình thành, tồn tại và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Các hình ảnh, tư liệu trong SGK: Lâu đài Li-va-đi-a; các nhà lãnh đạo Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị I-an-ta; Tổng thống Mỹ Ních-xon và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Brê-giơ-nhép kí văn kiện năm 1972.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu hoặc tranh ảnh phóng to; giấy khổ lớn, bút dạ nếu tổ chức hoạt động nhóm.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; nguồn chính thống của Liên hợp quốc, Bộ Ngoại giao Việt Nam; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12, sách Kết nối tri thức với cuộc sống; vở ghi và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 2, quan sát các hình trong SGK; sưu tầm tư liệu ngắn về Hội nghị I-an-ta, Chiến tranh lạnh, sự tan rã của Liên Xô hoặc quá trình hình thành trật tự thế giới mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập, giúp HS nhận diện địa điểm diễn ra Hội nghị I-an-ta; gợi vấn đề về sự hình thành, tồn tại và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Nội dung:** HS quan sát hình ảnh Lâu đài Li-va-đi-a, đọc thông tin dẫn nhập và trả lời câu hỏi gợi mở của GV.
- Sản phẩm học tập:** HS nêu được Hội nghị I-an-ta diễn ra vào tháng 2 - 1945, đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến việc kết thúc chiến tranh và sắp xếp thế giới sau chiến tranh; bước đầu đặt được câu hỏi về tính chất và tác động của trật tự thế giới mới.
- Tổ chức thực hiện:**

GV trình chiếu hình ảnh Lâu đài Li-va-đi-a thuộc thành phố I-an-ta, Liên Xô, yêu cầu HS quan sát và cho biết những hiểu biết ban đầu về địa điểm này.



Hình khởi động. Lâu đài Li-va-đi-a - nơi diễn ra Hội nghị I-an-ta năm 1945

GV đặt câu hỏi:

- Hội nghị I-an-ta diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào?
- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã ảnh hưởng như thế nào đến tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- Trật tự thế giới được hình thành sau hội nghị này tồn tại qua những giai đoạn nào và vì sao cuối cùng sụp đổ?

HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp và trình bày. GV nhận xét, không chốt sâu nội dung mà dẫn dắt vào bài: những quyết định tại I-an-ta đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế trong gần nửa thế kỉ. Để hiểu rõ quá trình hình thành, tồn tại, nguyên nhân sụp đổ và tác động của trật tự đó, chúng ta tìm hiểu Bài 2.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Mục tiêu: HS trình bày được quá trình hình thành và phân chia được hai giai đoạn tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; nhận biết được những biểu hiện chủ yếu của sự đối đầu, hoà hoãn và suy yếu của trật tự này.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác thông tin SGK, hình ảnh, tư liệu và phiếu học tập; HS làm việc cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được bối cảnh và những quyết định chủ yếu của Hội nghị I-an-ta; giải thích được vì sao trật tự mới được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; tóm tắt được đặc điểm của hai giai đoạn tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 1

NỘI DUNG	YÊU CẦU/THÔNG TIN CẦN HOÀN THÀNH
Sự hình thành	Xác định bối cảnh Hội nghị I-an-ta; những quyết định chủ yếu; giải thích vì sao hình thành trật tự hai cực.
Giai đoạn 1945 - đầu những năm 70	Nêu biểu hiện đối đầu Xô - Mỹ, sự hình thành hai khối quân sự và những vết rạn đầu tiên của trật tự.
Giai đoạn đầu những năm 70 - 1991	Nêu biểu hiện hoà hoãn, đối thoại; các sự kiện đánh dấu sự suy yếu và chấm dứt trật tự hai cực.

HS hoàn thành phiếu theo nhóm; mỗi nội dung cần có ít nhất một mốc thời gian hoặc sự kiện minh hoạ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS quan sát Hình 2, đọc thông tin mục 1 trong SGK và trả lời các câu hỏi: Hội nghị I-an-ta diễn ra trong bối cảnh nào? Những quyết định chủ yếu của hội nghị là gì? Vì sao các quyết định này trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới?  <i>Hình 2. Các nhà lãnh đạo Anh, Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị I-an-ta</i>	- Hội nghị I-an-ta diễn ra từ ngày 4 đến ngày 11 - 2 - 1945, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc; ba cường quốc Liên Xô, Mỹ và Anh cần thống nhất những vấn đề quan trọng sau chiến tranh. - Hội nghị thống nhất mục tiêu tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản; thoả thuận việc đóng quân, giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á. - Ở châu Âu: Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu; Mỹ, Anh, Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Áo và Phần Lan trở thành những nước trung lập. - Ở châu Á: hội nghị chấp nhận một số điều kiện để Liên Xô tham chiến chống Nhật; sau khi Nhật đầu hàng, các lực lượng Đồng minh tiến vào giải giáp, tạo ra sự phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mỹ cùng các nước phương Tây. - Những quyết định và thoả	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS dùng từ khóa phù hợp để tìm 01 tư liệu chính thống liên quan Hội nghị I-an-ta hoặc Trật tự thế giới hai cực, lựa chọn kết quả phù hợp và ghi nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thống của Liên hợp quốc hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV giao tiếp nhiệm vụ: dựa vào thông tin mục b và Hình 3, hãy lập bảng tóm tắt quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta theo hai giai đoạn: từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX; từ đầu những năm 70 đến năm 1991.  <i>Hình 3. Tổng thống Mỹ Ních-xơn và Tổng Bí thư Brê-giơ-nhép kí văn kiện năm 1972</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS khai thác tư liệu, làm việc cá nhân và thảo luận nhóm. Nhóm trưởng phân công thành viên xác định các sự kiện, mốc thời gian và đặc điểm nổi bật. GV quan sát, hỗ trợ HS phân biệt sự hình thành trật tự với quá trình tồn tại của trật tự.	thuận tại I-an-ta trở thành khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, trong đó hai siêu cường Liên Xô và Mỹ đứng đầu hai cực, hai hệ thống xã hội đối lập. - Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: trật tự được xác lập và phát triển; Mỹ và Liên Xô đối đầu gay gắt, thành lập NATO năm 1949 và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va năm 1955; chạy đua vũ trang, đối đầu chính trị - quân sự và nhiều cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra. - Trong quá trình đó, trật tự bắt đầu xuất hiện những vết rạn: thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc năm 1949; sự lớn mạnh của Tây Âu, Nhật Bản và phong trào giải phóng dân tộc; các cuộc đấu tranh ở Triều Tiên, Việt Nam và nhiều khu vực làm suy giảm khả năng chi phối tuyệt đối của hai cực. - Giai đoạn từ đầu những năm 70 đến năm 1991: xu hướng hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện; năm 1972 Liên Xô và Mỹ kí các thoả thuận hạn chế vũ khí chiến lược; từ nửa sau những năm 80 hai nước đẩy mạnh đối thoại, hợp tác; năm 1989 tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. - Cuối những năm 80, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã; tháng 12 - 1991 Liên Xô tan rã, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của Trật tự thế giới	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung; tập trung làm rõ vai trò chi phối của hai cực Xô - Mỹ, sự hình thành các khối quân sự đối đầu, các cuộc chiến tranh cục bộ và xu hướng hoà hoãn từ đầu những năm 70. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh Trật tự thế giới hai cực I-an-ta vừa phản ánh tương quan lực lượng sau chiến tranh, vừa tạo ra sự phân chia và đối đầu sâu sắc trong quan hệ quốc tế. Cuối những năm 80, sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô chấm dứt sự tồn tại của trật tự này. - Tích hợp NLS: GV hướng dẫn HS dùng từ khóa phù hợp để tìm thêm 01 tư liệu chính thống về Hội nghị I-an-ta hoặc quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực; HS lựa chọn kết quả từ nguồn đáng tin cậy và ghi lại nguồn sử dụng.	hai cực I-an-ta. - Khái quát: Trật tự hai cực I-an-ta tồn tại gần nửa thế kỉ, từ khi hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến khi Liên Xô tan rã năm 1991.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Mục tiêu: HS nêu và giải thích được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; phân tích được những tác động chủ yếu của sự kiện này đối với tình hình thế giới.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS khai thác thông tin mục 2, bảng nguyên nhân - tác động và câu hỏi trong SGK; HS thảo luận, xếp hạng nguyên nhân, phân tích tác động.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành bảng nguyên nhân và tác động; xác định được nguyên nhân quan trọng nhất theo quan điểm cá nhân và bảo vệ được ý kiến bằng lập luận lịch sử.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 2

NỘI DUNG	YÊU CẦU/THÔNG TIN CẦN HOÀN THÀNH
Nguyên nhân từ quan hệ Xô - Mỹ	Làm rõ tác động của đối đầu, chạy đua vũ trang và xu hướng hoà dịu.
Nguyên nhân từ biến đổi thế giới	Phân tích sự vươn lên của Tây Âu, Nhật Bản, các quốc gia độc lập và sự thay đổi cán cân kinh tế.
Nguyên nhân từ Liên Xô, Đông Âu	Nêu khủng hoảng kinh tế - xã hội, hạn chế của mô hình quản lí và sai lầm trong cải tổ.
Tác động	Khái quát những thay đổi về tương quan lực lượng, xu hướng đa cực và quá trình hình thành trật tự thế giới mới.

Sau khi hoàn thành, HS lựa chọn một nguyên nhân được xem là quan trọng nhất và trình bày lập luận bảo vệ lựa chọn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, hoàn thành hai nhiệm vụ: - Nêu những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Theo em, nguyên nhân nào quan trọng nhất? Vì sao? - Phân tích tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới. GV có thể chia lớp thành hai nhóm lớn: nhóm 1 tìm hiểu nguyên nhân; nhóm 2 tìm hiểu tác động. Mỗi nhóm lập sơ đồ hoặc bảng tóm tắt trên giấy khổ lớn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc tư liệu, trao đổi và thông nhất nội dung. GV gợi ý HS phân biệt nguyên nhân trực tiếp với	1. Nguyên nhân sụp đổ - Sự đối đầu căng thẳng và chạy đua vũ trang kéo dài làm cả hai cực Xô - Mỹ tổn kém lớn về tài chính, suy giảm tiềm lực kinh tế; buộc hai nước phải điều chỉnh chiến lược để ổn định và củng cố vị thế. - Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ Đông - Tây có những chuyển biến theo hướng hoà dịu; nhiều thoả thuận về an ninh và hợp tác làm giảm mức độ đối đầu trực tiếp giữa hai cực. - Phong trào giải phóng dân tộc thắng lợi, hàng loạt quốc gia độc lập ra đời; nhiều trung tâm kinh tế - chính trị mới vươn lên, làm suy giảm khả năng chi phối của trật tự hai cực. - Cán cân kinh tế thế giới thay đổi: Nhật Bản và Tây Âu phát triển mạnh, trở thành những trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ; trong khi sức mạnh kinh tế của Liên Xô suy giảm.	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng đoạn tóm tắt do AI tạo về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ trật tự hai cực; nêu ý đúng, ý chưa đủ căn cứ/cần sửa và căn cứ đối chiếu. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
nguyên nhân sâu xa; đối chiếu yếu tố bên trong của Liên Xô và các nước Đông Âu với sự thay đổi của tương quan lực lượng quốc tế. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày. HS tranh luận về mức độ quan trọng của từng nguyên nhân. GV khuyến khích HS sử dụng dẫn chứng về chạy đua vũ trang, xu hướng hoà dịu, sự vươn lên của Tây Âu - Nhật Bản, phong trào giải phóng dân tộc và khủng hoảng của Liên Xô. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh sự sụp đổ của trật tự hai cực không chỉ do một sự kiện riêng lẻ mà là kết quả tổng hợp của biến đổi trong tương quan lực lượng thế giới và những hạn chế, sai lầm nội tại của Liên Xô cùng các nước Đông Âu. - Tích hợp NLS: GV trình chiếu một đoạn tóm tắt ngắn do ChatGPT hoặc Gemini tạo về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế	- Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, những hạn chế của mô hình quản lí và các sai lầm trong công cuộc cải tổ làm Liên Xô suy yếu, tan rã; hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. 2. Tác động - Sự sụp đổ của trật tự hai cực mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế; thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển và làm xuất hiện ngày càng rõ xu hướng đa cực, nhiều trung tâm. - Liên Xô tan rã làm thay đổi tương quan lực lượng, tạo ưu thế tạm thời cho Mỹ. Tuy nhiên, sự vươn lên của các cường quốc và trung tâm kinh tế - chính trị khác khiến vai trò chi phối của Mỹ cũng suy giảm tương đối. - Trật tự thế giới mới từng bước hình thành trong quá trình vận động phức tạp; quan hệ giữa các quốc gia vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc. - Các quốc gia có thêm cơ hội lựa chọn đường lối phát triển, mở rộng hợp tác và hội nhập; đồng thời phải đối mặt với những thách thức an ninh, xung đột khu vực, chạy đua ảnh hưởng và các vấn đề toàn cầu.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
giới hai cực I-an-ta. HS đối chiếu từng ý với SGK, Phiếu học tập 2 và tư liệu đã học; chỉ ra nội dung chính xác, nội dung chưa đủ căn cứ hoặc cần chỉnh sửa.		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống hoá kiến thức về quá trình hình thành, tồn tại, nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b. Nội dung: HS thực hiện các câu hỏi, bài tập dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tóm tắt, sơ đồ tư duy hoặc câu trả lời có lập luận của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Hãy lập bảng tóm tắt những nét chính về quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Gợi ý: HS trình bày theo các nội dung: bối cảnh Hội nghị I-an-ta; những quyết định chủ yếu; sự hình thành hai cực Xô - Mỹ; giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70; giai đoạn từ đầu những năm 70 đến năm 1991.

Câu 2. Lập sơ đồ tư duy về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

Gợi ý: Nhánh nguyên nhân gồm chạy đua vũ trang, xu hướng hoà dịu, sự vươn lên của các quốc gia và trung tâm mới, thay đổi cán cân kinh tế, khủng hoảng và tan rã của Liên Xô. Nhánh tác động gồm hình thành thời kì mới, xu hướng đa cực, thay đổi tương quan lực lượng và những cơ hội - thách thức trong quan hệ quốc tế.

GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét, bổ sung; chốt lại kiến thức cốt lõi và sửa những nhầm lẫn về mốc thời gian, khái niệm “hai cực” và “hai phe”.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải thích một vấn đề lịch sử, hình thành quan điểm cá nhân và liên hệ với quan hệ quốc tế hiện nay.

b. Nội dung: HS sử dụng tư liệu từ sách, báo, internet và kiến thức trong bài để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn viết khoảng 200 - 250 chữ, bài trình bày hoặc infographic có lập luận và dẫn chứng phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ. Dựa vào tư liệu sưu tầm và kiến thức đã học, hãy giải thích vì sao sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Gợi ý: HS có thể làm rõ các ý sau:

- Hai siêu cường và hai khối đối đầu chi phối phần lớn đời sống quốc tế, làm gia tăng căng thẳng và đe dọa hoà bình thế giới.
- Chạy đua vũ trang và vũ khí hạt nhân tiêu tốn nguồn lực rất lớn, trong khi nhiều quốc gia cần nguồn lực cho phát triển kinh tế, giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
- Nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột và can thiệp từ bên ngoài gây tổn thất nặng nề cho các dân tộc, cản trở quyền tự quyết và phát triển độc lập của các quốc gia.
- Sự phân chia phạm vi ảnh hưởng không phản ánh đầy đủ lợi ích của các quốc gia vừa và nhỏ; đi ngược xu hướng bình đẳng, hợp tác và cùng phát triển.

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân hoặc nhóm thực hiện ngoài giờ học; đánh giá theo các tiêu chí: đúng kiến thức lịch sử, lập luận rõ ràng, có dẫn chứng, thể hiện quan điểm cá nhân và trình bày nghiêm túc.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được bốn xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh: lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm; toàn cầu hoá; đối thoại, hợp tác; đa cực trong quan hệ quốc tế.
- Trình bày được khái niệm đa cực; phân biệt được trật tự đa cực với trật tự hai cực và trật tự đơn cực.
- Nêu và giải thích được những biểu hiện chủ yếu của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
- Vận dụng được kiến thức của bài để nhận xét một số vấn đề thời sự quốc tế và liên hệ với quá trình hội nhập, phát triển của Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác có chọn lọc thông tin từ văn bản, hình ảnh, lược đồ, số liệu và các ô “Em có biết?” trong SGK.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: xác định mối quan hệ nguyên nhân - kết quả; khái quát hoá biểu hiện của các xu thế; so sánh đơn cực, hai cực và đa cực.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng: dùng dẫn chứng để giải thích nhận định; liên hệ cơ hội và thách thức của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và đa cực.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: phân công nhiệm vụ, thảo luận, phản biện, báo cáo và đánh giá sản phẩm nhóm.
- Năng lực tự học: biết lựa chọn nguồn thông tin tin cậy, ghi chép và hệ thống hoá kiến thức bằng bảng hoặc sơ đồ tư duy.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Khách quan, trung thực khi nhận xét các vấn đề quốc tế; tôn trọng sự khác biệt, hoà bình, hợp tác và luật pháp quốc tế.
- Chăm chỉ, chủ động tìm hiểu lịch sử thế giới hiện đại; có trách nhiệm khi sử dụng và chia sẻ thông tin.
- Có ý thức hội nhập, ý thức công dân và trách nhiệm góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy theo Công văn 5512; phiếu học tập số 1, 2, 3; bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm nhóm.
- Bản đồ thế giới; hình ảnh Bức tường Béc-lin sụp đổ, thành phố Mum-bai; tư liệu ngắn về Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, EU, G20, BRICS, ASEAN.
- Máy tính, máy chiếu hoặc tranh ảnh in; bút dạ, giấy A0/A3.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; các trang chính thức của G20, BRICS, EU, ASEAN, APEC hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc

Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- Đọc trước bài 3, trả lời câu hỏi trong SGK; chuẩn bị vở ghi, giấy nháp, bút màu.
- Suru tầm một thông tin ngắn về một trung tâm kinh tế - chính trị lớn hoặc một tổ chức quốc tế, khu vực.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, huy động kiến thức nền và định hướng vấn đề trung tâm của bài.
- b. Nội dung: HS quan sát hình ảnh Bức tường Béc-lin sụp đổ và trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời miệng của HS, nêu được sự kiện và ý nghĩa khái quát.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu Hình 1, yêu cầu HS quan sát trong 30 giây và trả lời: Hình ảnh phản ánh sự kiện nào? Vì sao sự kiện này được coi là một biểu tượng của sự kết thúc Chiến tranh lạnh? Sau sự kiện đó, thế giới có thể xuất hiện những xu thế phát triển nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, ghi nhanh từ khoá; sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để thống nhất câu trả lời. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV mời 2 - 3 HS trả lời; khuyến khích HS khác bổ sung hoặc đặt câu hỏi. Bước 4. Kết luận, dẫn dắt GV nhận xét và dẫn vào bài: Chiến tranh lạnh kết thúc không làm mọi xung đột biến mất, nhưng mở ra thời kì mới với nhiều xu thế phát triển, trong đó nổi bật là toàn cầu hoá, đối thoại - hợp tác và đa cực.	- Sự kiện: Bức tường Béc-lin sụp đổ ngày 9-11-1989. - Ý nghĩa: biểu tượng cho sự tan rã của sự đối đầu Đông - Tây, báo hiệu Chiến tranh lạnh đi đến kết thúc. - Dự đoán: các quốc gia điều chỉnh chiến lược, chú trọng kinh tế, tăng hợp tác; quan hệ quốc tế vận động theo xu thế đa cực.	



Hình 1. Người dân Đức trong sự kiện

Hoạt động 1. Tìm hiểu xu thế lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm

a. Mục tiêu: HS giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia chuyển trọng tâm chiến lược sang phát triển kinh tế; nêu được biểu hiện và ý nghĩa của xu thế.

b. Nội dung: HS đọc đoạn đầu mục 1, khai thác ô “Em có biết?” về Việt Nam và hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập nêu rõ nguyên nhân, biểu hiện, tác động và liên hệ với Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: Sau Chiến tranh lạnh, vì sao sức mạnh kinh tế ngày càng trở thành nền tảng quan trọng của vị thế quốc gia? GV phát Phiếu học tập số 1 gồm bốn yêu cầu: nguyên nhân; biểu hiện; tác động; liên hệ Việt Nam. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, gạch chân các cụm từ “phát triển kinh tế”, “tăng cường sức mạnh”, “nâng cao đời sống”. HS làm việc theo cặp, hoàn thành phiếu trong 5 phút. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện hai cặp trình bày. GV đặt câu hỏi gợi mở: Sức mạnh kinh tế tác động như thế nào đến tiềm lực quân sự, khoa học - công nghệ và vị thế ngoại giao? Việc Việt Nam tiến hành Đổi mới từ năm 1986 có phù hợp với xu thế này không? Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt kiến thức; nhấn mạnh kinh tế là cơ sở của sức mạnh tổng hợp nhưng các quốc gia vẫn phải kết hợp kinh tế với chính trị, quốc phòng, khoa học - công nghệ và văn hoá.	1. Nguyên nhân - Đối đầu quân sự kéo dài làm nhiều quốc gia tiêu hao nguồn lực; nhu cầu ổn định để phát triển trở nên cấp thiết. - Khoa học - công nghệ phát triển nhanh, cạnh tranh quốc tế ngày càng phụ thuộc vào năng lực kinh tế. 2. Biểu hiện - Hầu hết các quốc gia điều chỉnh chiến lược, tập trung phát triển kinh tế, nâng cao sức mạnh tổng hợp và đời sống nhân dân. 3. Tác động - Thúc đẩy cải cách, mở cửa, liên kết kinh tế; đồng thời làm cạnh tranh kinh tế, công nghệ và thị trường gay gắt hơn. 4. Liên hệ Việt Nam - Công cuộc Đổi mới phù hợp với xu thế, giúp đất nước từng bước hội nhập và nâng cao vị thế.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu xu thế toàn cầu hoá

a. Mục tiêu: HS trình bày được khái niệm, biểu hiện, cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá.

b. Nội dung: HS khai thác SGK, kết hợp kiến thức thực tế để hoàn thành sơ đồ “Toàn cầu hoá”.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ hoặc bảng ghi được nội dung cốt lõi và ít nhất hai ví dụ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV viết từ khoá “toàn cầu hoá” ở giữa bảng, yêu cầu HS trả lời nhanh: Trong một ngày, em sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc	Khái niệm - Quá trình gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, sự phụ thuộc và tác động lẫn nhau giữa các quốc	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
nền tảng nào có yếu tố quốc tế? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nội dung SGK, làm việc theo nhóm 4, hoàn thành bốn nhánh: khái niệm - biểu hiện - cơ hội - thách thức. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Nhóm 1 trình bày khái niệm và biểu hiện; nhóm 2 bổ sung ví dụ; nhóm 3 nêu cơ hội; nhóm 4 nêu thách thức. GV yêu cầu HS phân biệt toàn cầu hoá với việc “mọi quốc gia trở nên giống nhau”. Bước 4. Kết luận GV chốt: toàn cầu hoá là quá trình gia tăng mạnh mẽ các mối liên hệ, sự phụ thuộc và tác động lẫn nhau trên phạm vi toàn cầu; quá trình này mang tính khách quan, vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra thách thức.	gia, dân tộc, khu vực trên phạm vi toàn cầu. Biểu hiện - Mở rộng thương mại, đầu tư, dịch vụ, chuỗi sản xuất xuyên quốc gia; bùng nổ thông tin, giao thông và liên kết khu vực, quốc tế. Cơ hội - Mở rộng thị trường; tiếp cận vốn, công nghệ, tri thức; tăng giao lưu văn hoá. Thách thức - Cạnh tranh gay gắt, nguy cơ phụ thuộc; khoảng cách giàu nghèo; vấn đề an ninh mạng, bản sắc văn hoá và môi trường.	

Hoạt động 3. Tìm hiểu xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế

a. Mục tiêu: HS nêu được nguyên nhân, biểu hiện và giới hạn của xu thế đối thoại, hợp tác.

b. Nội dung: HS đọc SGK, phân tích một tình huống giả định về tranh chấp giữa hai quốc gia.

c. Sản phẩm học tập: HS rút ra được đặc điểm của xu thế đối thoại, hợp tác và hiểu rằng hợp tác không loại trừ cạnh tranh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa tình huống: Hai quốc gia có tranh chấp nhưng đều cần môi trường ổn định để phát triển kinh tế. Theo em, họ nên lựa chọn đối đầu hay thương lượng? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, sau đó trao đổi nhóm và liên hệ nội dung SGK. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày; GV đặt câu hỏi phản biện: Đối thoại, hợp tác có đồng nghĩa với việc không còn mâu thuẫn, cạnh tranh không? Bước 4. Kết luận GV nhấn mạnh: nhu cầu hoà bình, ổn định và phát triển thúc đẩy các nước tăng đối thoại, thương lượng, hợp tác trên cơ sở cùng có lợi; tuy nhiên, cạnh tranh lợi ích và xung đột cục bộ vẫn tồn tại.	- Nguyên nhân: nhu cầu ổn định để phát triển; mức độ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn. - Biểu hiện: mở rộng đối thoại, đàm phán; tăng hợp tác song phương, đa phương; giải quyết nhiều bất đồng bằng biện pháp hoà bình. - Bản chất: vừa hợp tác, vừa cạnh tranh; hợp tác trên cơ sở lợi ích và tôn trọng lẫn nhau. - Giới hạn: thế giới vẫn tồn tại xung đột khu vực, tranh chấp lãnh thổ, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo.	

Hoạt động 4. Tìm hiểu khái niệm đa cực

a. Mục tiêu: HS trình bày được khái niệm đa cực; phân biệt được hai cực, đơn cực và đa cực.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2a SGK và hoàn thành bảng so sánh.

c. Sản phẩm học tập: Bảng so sánh chính xác về số trung tâm quyền lực và mức độ chi phối.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm các từ khoá trong định nghĩa đa cực: nhiều quốc gia, nhiều trung tâm, không có một quốc gia áp đảo, cùng tham gia và ảnh hưởng. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, sau đó theo cặp để hoàn thành bảng: hai cực - đơn cực - đa cực. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV mời HS giải thích bằng lời của mình; yêu cầu trả lời thêm: Đa cực có nghĩa là các trung tâm có sức mạnh hoàn toàn bằng nhau không? Bước 4. Kết luận GV chuẩn xác: đa cực là trật tự có nhiều trung tâm quyền lực; các cực không nhất thiết ngang bằng, nhưng không một cực nào có thể chi phối hoàn toàn thế giới.	Hai cực - Hai trung tâm quyền lực lớn giữ vai trò chi phối chủ yếu. Đơn cực - Một trung tâm có ưu thế vượt trội và tìm cách chi phối trật tự quốc tế. Đa cực - Nhiều quốc gia, nhiều trung tâm cùng tham gia, tác động; không một quốc gia nào áp đảo hoàn toàn. Lưu ý - Đa cực là quá trình lịch sử khách quan, phản ánh sự thay đổi tương quan sức mạnh.	

Hoạt động 5. Biểu hiện thứ nhất của xu thế đa cực: sự gia tăng sức mạnh và vị thế của nhiều trung tâm

a. Mục tiêu: HS phân tích được sự nổi lên của các nước lớn và trung tâm kinh tế - chính trị; biết sử dụng dẫn chứng.

b. Nội dung: HS khai thác Hình 2, thông tin SGK và tư liệu đã sưu tầm.

c. Sản phẩm học tập: Bảng liệt kê các trung tâm cùng thể mạnh tiêu biểu và nhận xét về sự thay đổi tương quan lực lượng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 5 nhóm, giao nhiệm vụ tìm hiểu Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản và EU theo các tiêu chí: kinh tế; khoa học - công nghệ; chính trị - ngoại giao; quân sự hoặc ảnh hưởng khu vực. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS khai thác SGK, Hình 2 và tư liệu đã	- Trung Quốc: tăng trưởng kinh tế nhanh, mở rộng ảnh hưởng quốc tế. - Nga: phục hồi vị thế, duy trì tiềm lực quân sự và ảnh hưởng chính trị. - Ấn Độ: tăng trưởng cao, tiềm lực khoa học - công nghệ và quân sự ngày càng lớn. - Nhật Bản: cường quốc kinh tế,	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
chuẩn bị. Mỗi nhóm chọn 2 - 3 dẫn chứng tiêu biểu, tránh liệt kê dàn trải. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện từng nhóm báo cáo trong 1 phút. Nhóm khác nhận xét: Dẫn chứng có phù hợp với tiêu chí “gia tăng sức mạnh và vị thế” hay không? Bước 4. Kết luận GV khái quát: sự phát triển của nhiều trung tâm làm tương quan lực lượng quốc tế trở nên cân bằng và phức tạp hơn, thúc đẩy xu thế đa cực.  Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và một số nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định tiềm lực kinh tế và vị thế của mình. Thứ hai là sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác. Thứ ba là vai trò ngày càng tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực. Sau Chiến tranh lạnh, các tổ chức kinh EM CÓ BIẾT ? Mặc dù Mỹ vẫn giữ vị trí số một thế giới về kinh tế và các lĩnh vực như: vốn, khoa học - công nghệ... nhưng vị thế của nước này đang ngày càng bị giảm dần trước sự nổi lên của các trung tâm khác. Năm 2000, GDP của Mỹ gấp khoảng 12 lần Trung Quốc, nhưng đến năm <i>Hình 2. Thành phố Mum-bai - biểu hiện sự phát triển của Ấn Độ</i>	khoa học - công nghệ. - EU: trung tâm kinh tế - chính trị lớn, có vai trò trong nhiều vấn đề quốc tế. - Nhận xét: ngày càng có nhiều trung tâm có khả năng tác động đến quan hệ quốc tế.	

Hoạt động 6. Biểu hiện thứ hai: sức mạnh của Mỹ suy giảm tương đối

- a. Mục tiêu:** HS hiểu đúng khái niệm “suy giảm tương đối”; tránh nhận định sai rằng Mỹ không còn là cường quốc.
- b. Nội dung:** HS khai thác ô “Em có biết?” và so sánh vị thế của Mỹ với các trung tâm khác.
- c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được biểu hiện, nguyên nhân và nhận xét cân bằng về vị thế của Mỹ.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: “Suy giảm tương đối” có phải là “suy yếu hoàn toàn” không? GV yêu cầu HS đọc ô “Em có biết?” về tỉ trọng GDP của Mỹ và trả lời. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp, phân biệt ba ý: Mỹ vẫn mạnh; khoảng cách với một số trung tâm thu hẹp; Mỹ không thể đơn phương quyết định mọi vấn đề. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày. GV yêu cầu HS lấy một ví dụ cho thấy các vấn đề toàn cầu cần sự phối hợp của nhiều nước. Bước 4. Kết luận	- Mỹ vẫn là cường quốc hàng đầu về kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ và quân sự. - Tuy nhiên, tỉ trọng và khoảng cách sức mạnh của Mỹ so với một số trung tâm khác giảm. - Mỹ gặp khó khăn trong việc đơn phương chi phối mọi vấn đề quốc tế. - Đây là sự suy giảm tương đối, không phải sự mất đi hoàn toàn sức mạnh và ảnh hưởng.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV chốt: Mỹ vẫn giữ vị thế hàng đầu ở nhiều lĩnh vực nhưng ưu thế tương đối giảm do sự vươn lên của các trung tâm khác và do các vấn đề quốc tế ngày càng phức tạp.		

Hoạt động 7. Biểu hiện thứ ba: vai trò ngày càng tăng của các tổ chức quốc tế và khu vực

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của G20, BRICS, EU, ASEAN và một số tổ chức khác trong cục diện đa cực.

b. Nội dung: HS khai thác SGK và hoàn thành thẻ thông tin tổ chức.

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày được tên, thành viên tiêu biểu, lĩnh vực hoạt động và ý nghĩa của tổ chức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát thẻ nhiệm vụ cho các nhóm: G20, BRICS, EU, ASEAN, APEC. Mỗi nhóm hoàn thành bốn mục: thành viên; mục tiêu; lĩnh vực hợp tác; vai trò đối với xu thế đa cực. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS sử dụng SGK và tư liệu sưu tầm, thống nhất thông tin, cử đại diện trình bày. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV tổ chức “phòng tranh”: các nhóm dán sản phẩm; HS di chuyển, ghi một nhận xét và một câu hỏi cho nhóm khác. Bước 4. Kết luận GV tổng hợp: các tổ chức quốc tế và khu vực tạo thêm nhiều diễn đàn, trung tâm phối hợp và ảnh hưởng; cục diện thế giới vì thế ngày càng đa trung tâm. - Tích hợp NLS: Mỗi nhóm dùng từ khóa phù hợp để tìm 01 thông tin bổ sung về tổ chức được giao (G20, BRICS, EU, ASEAN hoặc APEC); ưu tiên trang chính thức hoặc nguồn chính thống, ghi lại nguồn và chỉ lựa chọn thông tin phục vụ đúng các mục: thành viên, mục tiêu, lĩnh vực hợp tác, vai trò.	- G20: diễn đàn của các nền kinh tế lớn, có vai trò điều phối nhiều vấn đề kinh tế toàn cầu. - BRICS: tập hợp một số nền kinh tế mới nổi, phản ánh sự gia tăng vai trò của các nước đang phát triển. - EU: trung tâm kinh tế - chính trị lớn. - ASEAN, APEC: thúc đẩy hợp tác và liên kết khu vực châu Á - Thái Bình Dương. - Vai trò chung: mở rộng hợp tác đa phương, hạn chế sự chi phối của một trung tâm duy nhất.	[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một thông tin bổ sung về G20, BRICS, EU, ASEAN hoặc APEC; ưu tiên nguồn chính thống, lựa chọn đúng thông tin cần thiết và ghi nguồn sử dụng. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức của tổ chức hoặc nguồn chính thống do GV định hướng.

Hoạt động 8. Nhận xét bản chất và tác động của xu thế đa cực

a. Mục tiêu: HS nhận xét được tính chất, cơ hội và thách thức của xu thế đa cực; liên hệ với Việt Nam.

b. Nội dung: HS xử lý câu hỏi mở và hoàn thành bảng “Cơ hội - thách thức - yêu cầu đối với Việt Nam”.

c. Sản phẩm học tập: Bảng liên hệ có lập luận hợp lí, nêu được ít nhất hai cơ hội, hai thách thức và hai yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu nhận định: “Xu thế đa cực làm cho quan hệ quốc tế dân chủ và cân bằng hơn, nhưng cũng phức tạp hơn”. HS hãy đồng ý, không đồng ý hoặc đồng ý một phần và giải thích. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm, sử dụng kiến thức của bài để lập luận. Nhóm phải đưa ra ít nhất hai dẫn chứng. Bước 3. Báo cáo, phản biện Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác đặt câu hỏi về cơ hội, thách thức đối với Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn. Bước 4. Kết luận GV nhấn mạnh: Việt Nam cần kiên trì độc lập, tự chủ; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ; nâng cao nội lực; chủ động hội nhập; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. - Tích hợp NLS: GV trình chiếu một đoạn nhận định ngắn do ChatGPT hoặc Gemini tạo về xu thế đa cực và cơ hội, thách thức đối với Việt Nam. HS đối chiếu từng ý với SGK và kiến thức đã học; xác định nội dung chính xác, nội dung còn phiến diện/chưa đủ căn cứ và đề xuất cách chỉnh sửa.	Cơ hội - Mở rộng quan hệ đối tác, thị trường, nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm phát triển. - Có thêm không gian để phát huy vai trò trong các cơ chế đa phương. Thách thức - Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; nguy cơ phụ thuộc và sức ép lựa chọn. - Yêu cầu cao về năng lực cạnh tranh, an ninh, công nghệ và bản sắc. Yêu cầu - Giữ vững độc lập, tự chủ; đa phương hoá, đa dạng hoá. - Nâng cao nội lực, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực dự báo.	[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo Nội dung chỉ báo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. Nhiệm vụ học tập: HS kiểm chứng nhận định do AI tạo về xu thế đa cực và cơ hội, thách thức đối với Việt Nam; chỉ ra ý đúng, ý chưa đủ căn cứ/cần chỉnh sửa và nêu căn cứ từ SGK, kiến thức bài học. Công cụ: ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn; HS không bắt buộc có tài khoản AI.

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống hoá toàn bộ kiến thức của bài.

b. Nội dung: HS hoàn thành bốn nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: Bảng, sơ đồ và câu trả lời ngắn.

d. Tổ chức thực hiện: GV giao nhiệm vụ, HS làm cá nhân rồi đối chiếu theo cặp; GV chữa và chuẩn xác.

- Bài 1. Lập bảng tóm tắt bốn xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh theo ba cột: xu thế - biểu hiện - tác động.
- Bài 2. Hoàn thành bảng so sánh hai cực, đơn cực, đa cực.
- Bài 3. Nêu ba biểu hiện chính của xu thế đa cực và mỗi biểu hiện lấy một dẫn chứng.
- Bài 4. Giải thích mối quan hệ giữa toàn cầu hoá, đối thoại - hợp tác và đa cực.

Gợi ý đáp án

- Bốn xu thế: lấy kinh tế làm trọng tâm; toàn cầu hoá; đối thoại, hợp tác; đa cực.
- Hai cực có hai trung tâm lớn; đơn cực có một trung tâm ưu thế; đa cực có nhiều trung tâm cùng tác động.
- Ba biểu hiện của đa cực: nhiều trung tâm gia tăng sức mạnh; Mỹ suy giảm tương đối; vai trò của các tổ chức quốc tế, khu vực tăng.
- Toàn cầu hoá làm tăng phụ thuộc lẫn nhau, thúc đẩy đối thoại và hợp tác; sự phát triển không đồng đều của nhiều trung tâm thúc đẩy đa cực.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để giải thích vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện một trong hai nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn viết 12 - 15 câu hoặc sơ đồ tư duy có dẫn chứng.

d. Tổ chức thực hiện: GV hướng dẫn tiêu chí, HS thực hiện ở nhà và nộp vào tiết sau.

- Nhiệm vụ 1. Chứng minh nhận định: “Hiện nay, cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn”.
- Nhiệm vụ 2. Phân tích hai cơ hội và hai thách thức của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và đa cực.

Tiêu chí đánh giá sản phẩm

- Đúng kiến thức, sử dụng ít nhất hai dẫn chứng phù hợp: 4 điểm.
- Lập luận rõ ràng, có quan hệ nguyên nhân - kết quả: 3 điểm.
- Có liên hệ Việt Nam và nêu được quan điểm cá nhân hợp lí: 2 điểm.
- Trình bày sạch đẹp, đúng dung lượng, trích nguồn thông tin: 1 điểm.

D. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh ba câu: Thế giới sau Chiến tranh lạnh có những xu thế nào? Đa cực là gì? Xu thế đa cực biểu hiện như thế nào?
- HS hoàn thiện sản phẩm vận dụng; chuẩn bị bài học tiếp theo.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....
.....

THỰC HÀNH LỊCH SỬ
CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản của chủ đề thế giới trong và sau chiến tranh lạnh
- Vận dụng kiến thức để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

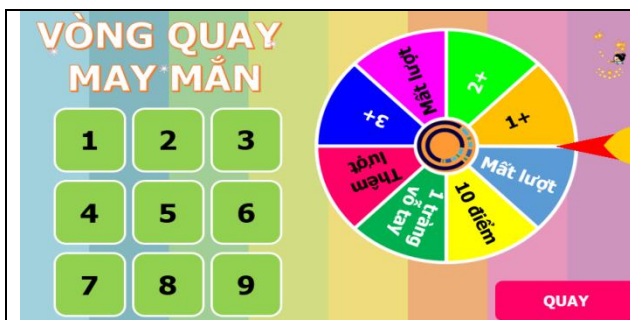
- Kế hoạch dạy học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa, Sách bài tập
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: HS hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ đã chuẩn bị trước GV kiểm tra, nhận xét . Hoạt động 2: Bài tập Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS: GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện các bài tập sau đây Nhiệm vụ 1: BÀI TẬP SỐ 1 GV mời HS tham gia trò chơi: Vòng quay may mắn Mỗi nhóm sẽ cử 1 đại diện quay ô số, Nhóm nào trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng của ô số đó.	- Phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta đối với tình hình thế giới. - Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. - Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế



Câu 1: Liên hợp quốc được thành lập vào năm nào?

A. 1945 . B. 1954. C. 1975. D. 1917.

Câu 2: Ý nào sau đây KHÔNG phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

A. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước

B. Duy trì hòa bình và an ninh tế giới.

C. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

D. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 3: Việt Nam trở thành thành viên thứ bao nhiêu của Liên hợp quốc?

A. 149. B. 194. C. 175. D. 154

Câu 4: Đây là một trong những biểu hiện của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Mỹ bình thường hóa với Việt Nam.

B. Sự vuron lên của Nga và Trung Quốc.

C. Triều Tiên bị chia cắt làm hai quốc gia.

D. Đông và Tây Đức chính thức hợp nhất.

Câu 5: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là sự đối đầu sâu sắc về hệ tư tưởng giữa

A. Mỹ, Anh. . B. Mỹ, Liên Xô.

C. Mỹ, Pháp. D. Liên Xô, Anh.

Câu 6: Hậu quả nặng nề nhất mang lại cho thế giới trong suốt thời gian Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là?

A. Các nước ráo riết, tăng cường chạy đua vũ trang.

B. Nhiều căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.

C. Kinh tế các nước bị thiệt hại nặng nề.

D. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, đối đầu.

Câu 7: Tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đến Việt Nam như thế nào trong những năm 1954 -1975?

A. Hai mươi vạn quân Trung Hoa Dân quốc vào giải giáp quân Nhật.

B. Đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

C. Quân Anh tạo điều kiện cho Pháp quay trở lại xâm lược lần thứ hai.

D. Thu hút được nguồn vốn, tiếp cận khoa học-công nghệ để phát triển

Câu 8: Nhận xét nào dưới đây đúng với xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

A. Trật tự thế giới mới được hình thành theo xu hướng “đa cực”.

B. Trật tự “hai cực Ianta” tiếp tục được duy trì.

C. Thế giới phát triển theo xu thế một cực và nhiều trung tâm.

D. Mĩ vươn lên trở thành “một cực” duy nhất.

Câu 9: Trật tự đa cực được hình thành vào đầu thế kỉ XXI sau khi trật tự thế giới nào sau đây bị sụp đổ?

A. Trật tự Vécxai – Oasinhton . B. Trật tự đơn cực

C. Trật tự hai cực I-an-ta. D. Trật tự đa cực.

Câu 10: Sau khi trật tự hai I-an-ta sụp đổ, quốc gia nào sau đây ra sức thiết lập trật tự thế giới đơn cực?

A. Nga. B. Mỹ. C. Trung Quốc. D. Anh.

Nhiệm vụ 2: BÀI TẬP SỐ 2

Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp

Bài 1

A	B
1. Xtalin, Rudoven, Socxin	a. Là nơi đặt trụ sở của Liên hợp quốc
2. Xanhphanxixco (Mĩ)	b. Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế
3. Niu Ooc (Mĩ)	c. Chương trình phát triển của Liên hợp quốc.
4. IAEA	d. Nơi diễn ra Hội nghị thành lập Liên hợp quốc.
5. UNDP	e. Nguyên thủ tham gia Hội nghị Ianta
6. Goocpachop, Busơ (cha).	g. Nguyên thủ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

A. 1-e, 2-d, 3-a, 4-b, 5-c, 6-g

B. 1-e, 2-a, 3-d, 4-b, 5-c, 6-g

C. 1-g, 2-d, 3-a, 4-c, 5-b, 6-e

D. 1-g, 2-d, 3-a, 4-b, 5-c, 6-e

Bài 2

A	B
1. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.	a. Tham dự Hội nghị Ianta
2. Liên Xô, Mĩ, Anh	b. Thành viên trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.
3. VACSAVA	c. Thông qua hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc.
4. NATO	d. Là tổ chức liên kết về kinh tế, giữa Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
5. SEV	e. Là liên minh quân sự của Mĩ và Tây Âu.
6. Xanhphanxixco	g. Là tổ chức liên kết về chính trị - quân sự giữa Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

A. 1-b, 2-a, 3-d, 4-g, 5-e, 6-c

B. 1-b, 2-a, 3-e, 4-g, 5-d, 6-c

C. 1-b, 2-a, 3-g, 4-e, 5-d, 6-c

D. 1-g, 2-d, 3-a, 4-b, 5-c, 6-e

Nhiệm vụ 3: BÀI TẬP SỐ 3

GV yêu cầu HS đọc thông tin, suy nghĩ trả lời câu hỏi

dạng Đúng - Sai

Bài 1

Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc đều phải làm tròn những nghĩa vụ mà họ phải đảm nhận theo Hiến chương này để được đảm bảo hưởng toàn bộ các quyền và ưu đãi do tư cách thành viên mà có”

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc)

Đoạn tư liệu trên phản ánh nguyên tắc hoạt động nào của tổ chức Liên hợp quốc, với nội dung cơ bản:

- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.*
- Từ bỏ đe dọa bằng hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế*
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.*
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.*

Bài 2

Đọc đoạn tư liệu sau:

Tháng 12/1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải) Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M.Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ G.Bút-sơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới. Tuy vậy, tình trạng chiến tranh lạnh chỉ thực sự kết thúc sau khi Liên bang Xô viết tan rã, trật tự hai cực I-an-ta không còn nữa.

- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta gắn liền với những diễn biến của cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai cực Mỹ - Xô.*
- Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt thế giới phát triển theo xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.*
- Một trong những nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta do Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng.*
- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta chấm dứt Việt Nam mới bắt đầu vào bước vào công cuộc đổi mới đất nước.*

Bài 3

Đọc đoạn tư liệu sau:

Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

- “Đa cực” là một thuật ngữ dùng để chỉ tên của một trật tự thế giới mới đang được hình thành sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.*
- Sự hình thành trật tự thế giới đa cực mang tính khách quan vì đó là kết quả của cuộc chạy đua về sức mạnh tổng*

hợp của các cường quốc

c. Trật tự thế giới đa cực có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó các quốc gia và trung tâm có quyền lực hoàn toàn ngang bằng nhau.

d. Trật tự hai cực I-an-ta và trật tự thế giới đa cực đều phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới giữa các cường quốc trong quan hệ quốc tế

Bài 4

Đọc đoạn tư liệu sau:

Chiến tranh Triều Tiên 1950-1953:

Ngày 25/6/1950, quân đội Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38, mở cuộc tiến công quy mô xuống Hàn Quốc.

- Sau hơn ba năm chiến tranh với những tổn thất nặng nề, các bên đã kí Hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điểm (27/7/1953). Theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên.

a. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự đụng đầu trực tiếp đầu tiên của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b. Chiến tranh Triều Tiên là một trong những cuộc chiến tranh cục bộ trong Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

c. Chiến tranh Triều Tiên nằm trong giai đoạn suy yếu và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

d. Hội nghị I-an-ta đã quyết định chia cắt bán đảo Triều Tiên thành hai quốc gia theo vĩ tuyến 38.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1

CH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	A	B	A	C	B	D	D	A	C	B

Nhiệm vụ 2

Bài 1 – A. 1-e, 2-d, 3-a, 4-b, 5-c, 6-g

Bài 2 - C. 1-b,2-a,3-g,4-e,5-d,6-c

Nhiệm vụ 3

Bài 1: A – Sai, B- Sai, C – Sai, D - Đúng

Bài 2: A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D - Sai

Bài 3: A – Đúng, B- Đúng, C – Sai, D - Đúng

Bài 4: A – Đúng, B- Đúng, C – Sai, D – Sai

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

